ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55 /2016/QĐ-UBND	*Hà Nam, ngày 21 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Lao động-TBXH (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL -Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Website Hà Nam;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma tuý chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma tuý chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma tuý chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; hỗ trợ và miễn, giảm chi phí cho các đối tượng quy định tại Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở điều trị cắt cơn phục vụ cho công tác cai nghiện ma tuý tại cộng đồng được thực hiện theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Về bố trí dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện như sau:

a) Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính:

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa người không có nơi cư trú ổn định vào Trung tâm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Quy định này bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan Công an lập hồ sơ;

- Kinh phí hỗ trợ quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được bố trí trong dự toán của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Hằng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ Trung tâm quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này và dự kiến số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định vào lưu trú tại Trung tâm trên địa bàn (nếu có), lập dự toán kinh phí hỗ trợ Trung tâm và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

- Kinh phí thực hiện kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Tư pháp cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đối chiếu hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo nội dung chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan Công an cấp huyện;

- Kinh phí thực hiện đưa người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động vào cơ sở bảo trợ xã hội, truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc, các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 và Điều 5 Quy định này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của Trung tâm.

b) Kinh phí thực hiện chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy:

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên nghiện ma tuý vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma tuý và hỗ trợ đối với người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nội dung, mức chi quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 10; chế độ miễn, giảm quy định tại Điều 12 và các khoản hỗ trợ quy định tại Điều 13 Quy định này; số đối tượng nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng, lập dự toán cùng với dự toán ngân sách xã hằng năm trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Kinh phí xét duyệt hồ sơ, đưa người chưa thành niên nghiện ma tuý vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định đưa vào Trung tâm nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào Trung tâm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 6 Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện;

- Kinh phí lập hồ sơ đề nghị chuyển người chưa thành niên đang chấp hành biện pháp tại Trung tâm vào Trường giáo dưỡng; truy tìm người chưa thành niên đang chấp hành quyết định bỏ trốn khỏi Trung tâm; các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm; miễn, giảm chi phí cho đối tượng cai nghiện tự nguyện được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của Trung tâm. Hằng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán Ngân sách Nhà nước, Trung tâm căn cứ nội dung, mức chi quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 6; các khoản chi phí cho người chưa thành niên quy định tại Điều 7 và các khoản miễn, giảm cho đối tượng cai nghiện tự nguyện theo quy định tại Điều 9 Quy định này; số đối tượng người nghiện ma tuý chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; lập dự toán cùng với chi thường xuyên của Trung tâm gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương II
NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 4. Nội dung, mức chi cho công tác áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi xác định tình trạng nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

c) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ:

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Chi hỗ trợ quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP:

a) Mức chi cụ thể theo Phụ lục 01 của Quy định này;

b) Việc hỗ trợ kinh phí cho Trung tâm được giao nhiệm vụ quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện như sau:

- Định kỳ (3 tháng hoặc 6 tháng) căn cứ số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại Trung tâm, Trung tâm có văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ các khoản chi theo quy định tại các điểm a khoản này, kèm theo các tài liệu sau:

+ Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ;

+ Danh sách người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại Trung tâm (ghi rõ số ngày từng người thực tế lưu trú tại Trung tâm);

+ Bản phô tô các Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho Trung tâm quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Danh sách người của Trung tâm được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện theo quy định tại điểm a khoản này;

+ Các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ cho người nghiện quy định tại điểm a khoản này (để đối chiếu, Trung tâm trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành);

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ tài liệu của Trung tâm theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp kinh phí hỗ trợ cho Trung tâm (theo mức chi quy định tại điểm a khoản này và số lượng người nghiện không có nơi cư trú ổn định lưu trú tại Trung tâm theo thời gian thực tế). Trường hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ vượt dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người không có nơi cư trú ổn định vào Trung tâm; đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động vào cơ sở bảo trợ xã hội:

Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

4. Chi truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn:

- Chi chế độ công tác phí: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Ngoài chế độ công tác phí, trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn được bồi dưỡng: 100.000 đồng/người/ngày;

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

b) Hỗ trợ cho đối tượng trong những ngày đi trên đường:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày;

- Tiền ngủ (nếu có): Thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 5. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

Mức chi cụ thể theo Phụ lục 02 của Quy định này.

Chương III
NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀO CAI NGHIỆN BẮT BUỘC TẠI TRUNG TÂM, CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI TRUNG TÂM

Điều 6. Nội dung, mức chi cho công tác đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm: mức chi 150.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi lập hồ sơ đề nghị chuyển người chưa thành niên đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP: mức chi 100.000 đồng/hồ sơ.

3. Chi họp Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm:

a) Chủ tịch hội đồng: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên hội đồng, thư ký: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

4. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm: mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

5. Chi truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào Trung tâm; truy tìm người chưa thành niên đang chấp hành quyết định bỏ trốn khỏi Trung tâm: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

Điều 7. Các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm

1. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004, mức chi theo Phụ lục 02 của Quy định này.

2. Chi phí điều trị đối với người chưa thành niên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo trong thời gian nằm viện mà không có thẻ bảo hiểm y tế được Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người chưa thành niên có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn. Trung tâm hỗ trợ phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh còn lại không được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán.

3. Các khoản chi phí khác trong thời gian chấp hành quyết định:

Mức chi cụ thể theo Phụ lục 02 của Quy định này.

Chương IV
CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 8. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm, trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Mức đóng góp cụ thể theo Phụ lục 03 của Quy định này.

Điều 9. Chế độ miễn, giảm

1. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm thuộc các trường hợp dưới đây được xem xét miễn đóng góp các khoản theo quy định tại Điều 8 Quy định này:

- Người thuộc hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;
- Người thuộc hộ gia đình nghèo;
- Người chưa thành niên;
- Người bị nhiễm HIV/AIDS;
- Người đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội, chế độ người khuyết tật.

2. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm thuộc hộ cận nghèo được xem xét giảm 50% mức đóng góp các khoản theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Chương V
NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; CHẾ ĐỘ ĐÓNG GÓP VÀ MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ TIỀN THUỐC CẮT CƠN NGHIỆN MA TÚY

Điều 10. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng

1. Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng:

a) Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị, chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Chi hỗ trợ cán bộ Tổ công tác cai nghiện ma tuý (do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập theo quy định tại Điều 3, Thông tư Liên

tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA) khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện như sau:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma tuý. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma tuý trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma tuý bắt buộc tập trung tại cộng đồng với mức 50.000 đồng/người/ngày.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma tuý với mức như sau:

- 50.000 đồng/buổi tư vấn/người cai nghiện ma tuý;

- 70.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma tuý (từ hai người trở lên).

d) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng:

- Đối tượng được hỗ trợ: Cán bộ là thành viên của Tổ công tác cai nghiện ma túy.

- Mức hỗ trợ: 350.000 đồng/người/tháng.

4. Chi phí vận chuyển người nghiện ma tuý từ nơi cư trú của người nghiện đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (nếu có). Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

Điều 11. Các khoản đóng góp

Người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 12 và được hỗ trợ một số khoản theo quy định tại Điều 13 Quy định này) gồm:

1. Chi phí khám sức khoẻ; xét nghiệm phát hiện chất ma tuý và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần điều trị;

2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần điều trị;

3. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000đ/ngày (không quá 15 ngày);

Điều 12. Chế độ miễn, giảm

1. Người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn đóng góp các khoản theo quy định tại Điều 11 Quy định này đối với các trường hợp sau đây:

a) Người thuộc hộ gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Người thuộc hộ gia đình nghèo;

c) Người chưa thành niên;

d) Người bị nhiễm HIV/AIDS;

đ) Người đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội, chế độ người khuyết tật.

2. Người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng được xét giảm 50% mức đóng góp các khoản theo quy định tại Điều 11 Quy định này đối với người thuộc hộ cận nghèo.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục miễn, giảm đối với người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 13. Chế độ hỗ trợ

1. Người nghiện ma tuý cai nghiện ma tuý tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

a) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Hướng dẫn, xem xét, quyết định việc miễn, giảm mức đóng góp đối với người tự nguyện cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm; hướng dẫn trình tự, thủ tục miễn, giảm đối với người nghiện ma tuý cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Tổ chức hướng dẫn Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh và các địa phương thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đúng mục đích có hiệu quả.

2. Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí hằng năm trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, quyết định để các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán chi, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tại các địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ số lượng người nghiện ma túy trên địa bàn chỉ đạo các đơn vị liên quan lập dự trù kinh phí cho công tác đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Hướng dẫn ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng, đưa đi cai nghiện bắt buộc, lập dự toán kinh phí trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; hướng dẫn đối tượng thuộc diện miễn, giảm lập hồ sơ, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định miễn giảm; tổ chức quản lý thu, chi, thanh quyết toán theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh.

Lập dự trù kinh phí, tổ chức triển khai công tác quản lý, chữa trị, điều trị nghiện, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn người cai nghiện ma túy thuộc diện được hỗ trợ lập hồ sơ, trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định miễn, giảm cho đối tượng; tổ chức thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Những nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản khác có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

Phụ lục 01

CÁC KHOẢN CHI PHÍ QUẢN LÝ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY KHÔNG CÓ NƠI CƯ TRÚ ỔN ĐỊNH LƯU TRÚ TẠM THỜI TẠI TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TÂM THẦN TỈNH TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

(Kèm theo Quyết định số 55 /2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước
1	Tiền ăn	40.000 đồng/người/ngày
2	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn	400.000 đồng/người
3	Chi phí khám, thuốc chữa bệnh thông thường	50.000 đồng/người/tháng
4	Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: (Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: được cấp 02 bộ quần áo dài, 02 bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng…)	400.000 đồng/người
5	Tiền điện, nước sinh hoạt	80.000 đồng/người/tháng
6	Tiền vệ sinh phụ nữ	30.000 đồng/người/tháng
7	Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS: - Được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác. - Mai táng phí.	150.000 đồng/người/năm Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo giá dịch vụ mai táng hàng năm trên địa bàn

Phụ lục 02

CÁC KHOẢN CHI PHÍ CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY, NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

(Kèm theo Quyết định số 55 /2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước
1	Chi phí y tế: - Chi phí khám sàng lọc khi tiếp nhận học viên; khám sức khỏe định kỳ (6 tháng 1 lần); - Chi phí xét nghiệm chất ma túy, lao và các xét nghiệm khác; - Chi phí tiền thuốc cắt cơn, giải độc; - Thuốc điều trị nhiễm trùng cơ hội; - Thuốc điều trị HIV, Lao, các bệnh truyền nhiễm khác; - Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS: Được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác.	Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo giá dịch vụ y tế hàng năm trên địa bàn và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.
2	Định mức tiền ăn hàng tháng của học viên. Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.	0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.
3	Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ hàng năm của học viên	0,9 mức lương cơ sở/người/năm.
4	Tiền điện, nước sinh hoạt	80.000 đồng/người/tháng.

STT	Nội dung	Mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước
5	Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao	70.000 đồng/người/năm
6	Tiền giáo dục phục hồi hành vi nhân cách	Mức chi theo Thông tư 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Tư pháp.
7	Đào tạo nghề: Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi đã được học nghề.	Không quá 2.000.000 đồng/người/khóa học
8	Hỗ trợ học viên thuộc đối tượng ưu tiên sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú: - Tiền ăn - Tiền tàu xe	40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 3 ngày; Theo giá phương tiện công cộng phổ thông.
9	- Chi phí mai táng đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ. - Chi phí giám định pháp y (nếu có)	Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo giá dịch vụ mai táng hàng năm trên địa bàn. Thực hiện theo Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính
10	Chi khác: Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên; Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma tuý, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên; Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.	Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Phụ lục 03

MỨC ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TÂM THẦN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 55 /2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung	Mức đóng góp
1	Tiền thuốc cắt cơn nghiện, điều trị các bệnh cơ hội	400.000 đồng/người/lần điều trị
2	Tiền ăn	30.000 đồng/người/ngày
3	Chi phí xét nghiệm chất ma túy, lao, các xét nghiệm khác	150.000 đồng/người/lần điều trị
4	Chi phí khám chữa bệnh thông thường, tiền thuốc cấp cứu	50.000 đồng/người/tháng
5	Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân thiết yếu	700.000 đồng/người/lần điều trị
6	Tiền điện, nước sinh hoạt	80.000 đồng/người/tháng
7	Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao	30.000 đồng/người/tháng
8	Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất	100.000 đồng/người/tháng
9	Chi phí phục vụ, quản lý	300.000 đồng/người/tháng
10	Đào tạo nghề (nếu có nhu cầu)	2.000.000 đồng/người/khóa.